TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/DS-ST.
Ngày: 29-6-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

Ông Lương Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 22/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S(Sacombank); trụ sở: Số 266-268, N, Phường V, Quận 3, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S– chi nhánh B, số 28, đường H, tổ 13, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1976- chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ. Văn bản uỷ quyền số 12/2022/GUQ-CNBC ngày 30/12/2022. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vương Trọng N, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 7, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 16/08/2021, ông Vương Trọng N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông N đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 67.486.531 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ. Ngày 10/09/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/02/2023. Ông N còn nợ các khoản sau: Tổng cộng: 54.486.531 đồng, trong đó: Nợ gốc: 44.911.391 đồng; lãi quá hạn: 9.575.140 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông N trả nợ. Tuy nhiên, ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông Vương Trọng N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2023 là 61.959.804 đồng, trong đó: Nợ gốc là 44.911.391 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.365.576 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.682.837 đồng và lãi phát sinh sau ngày 30/6/2023 cho đến khi trả nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

* *Bị đơn trình bày*: Bị đơn là ông Vương Trọng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án cũng như không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng.

- *Tại phiên tòa:* Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

* *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B trình bày quan điểm*:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299, Điều 323 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 xem xét chấp nhận yêu ầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/8/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là ông Vương Trọng N có địa chỉ nơi cư trú tại: Tổ 7, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B có thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt:

Đại diện hợp pháp nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn ông Vương Trọng N phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2023 là 61.959.804 đồng, trong đó: Nợ gốc là 44.911.391 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.365.576 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.682.837 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cho vay kể từ ngày 30/6/2023 cho đến ngày thực tế ông N trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối vối yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/8/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) có chữ ký xác nhận của bên cho vay là Ngân hàng – chi nhánh B và bên vay là ông Vương Trọng N và lời khai thống nhất của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định: Ông Vương Trọng N có vay vốn

theo hình thức mở thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 40.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông N đã thực hiên các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 67.486.531 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 13.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ thời điểm quá hạn thanh toán là ngày 10/9/2022 cho đến nay, bị đơn không thanh toán nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng không thể liên hệ với bị đơn. Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc: 44.911.391 đồng là có cơ sở để chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 465 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 29/6/2023): Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi trong hạn là 11.365.576 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.682.837 đồng và buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng kể từ ngày 30/6/2023 cho đến ngày thực tế bị đơn phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S(Sacombank). Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/9/2022 là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng về việc buộc bị đơn phải trả số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2023 là 61.959.804 đồng, trong đó: Nợ gốc là 44.911.391 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.365.576 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.682.837 đồng và buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán phần lãi, lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 299; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sacombank) đối với bị đơn ông Vương Trọng N về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bị đơn ông Vương Trọng N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sacombank) số tiền tính đến ngày 29/6/2023 là 61.959.804 đồng (sáu mươi mốt triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm lẻ bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 44.911.391 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm mười một nghìn ba trăm chín mươi mốt đồng); tiền lãi trong hạn là 11.365.576 đồng (mười một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng); tiền lãi quá hạn là 5.682.837 đồng (năm triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/6/2023 cho đến khi bị đơn trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/8/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.097.990 đồng (ba triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sacombank) số tiền 1.362.163 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn một trăm sáu mươi ba đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0010905 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Văn Thị Thanh Trúc